TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **76/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trịnh Hồng Hà**

2. Ông **Trương Văn Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Minh Thư** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Phan Thanh Việt** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 372/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Chí T**, sinh năm 1995; ĐKTT: Khóm E, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: Nhà T, số G, khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà **La Thị N**, sinh năm 1994; ĐKTT: Khóm T, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: Nhà T, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Đương sự có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản hòa giải, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Nguyễn Chí T trình bày:

Ông T và bà La Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2019. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Cả hai đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ đầu tháng 2/2024 đến nay. Do không còn tình cảm với bà N nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà La Thị N, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Ông T đồng ý để bà N nuôi 01 con chung tên Nguyễn Thiện T1, sinh ngày 28/11/2019, cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 23/7/2024, bà La Thị N trình bày:

Bà N và ông T kết hôn tự nguyện vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, ông T ghen tuông vô cớ. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 04 tháng nay. Đối với yêu cầu ly hôn của ông T, bà N không có ý kiến, yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn, bà N không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thiện T1, sinh ngày 28/11/2019, hiện đang sống với bà N. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà N, không cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn. Về con chung: Bà N được nuôi con chung tên Nguyễn Thiện T1, sinh ngày 28/11/2019, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Chí T, bị đơn La Thị N có yêu cầu giải quyết vắng mặt, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà N là phù hợp với Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn bà La Thị N có nơi cư trú tại Nhà T, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2019 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà N. Bà N không có ý kiến. Tại biên bản xác minh ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, bà Lê Kim K (là mẹ ruột bà N) trình bày: quá trình chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hiện đã không sống chung từ hơn 04 tháng nay. Ông T cương quyết yêu cầu ly hôn, ông T và bà N đều có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Điều này cho thấy ông T và bà N đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, việc hàn gắn tình cảm cho ông T và bà N không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của ông T và bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà N là phù hợp quy định pháp luật. Ông T, bà N tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Ông T và bà N có 01 con chung tên Nguyễn Thiện T1, sinh ngày 28/11/2019. Hiện tại, cháu T1 đang sống chung với bà N, bà N có yêu cầu nuôi con chung và ông T cũng đồng ý để con chung cho bà N nuôi dưỡng. Xét việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Để đảm bảo việc phát triển bình thường về vật chất, tâm lý và tinh thần cũng như ổn định về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cho con chung nên giao cháu Nguyễn Thiện T1, sinh ngày 28/11/2019 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà N tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Chí T đối với bà La Thị N. Ông Nguyễn Chí T được ly hôn với bà La Thị N. Quan hệ hôn nhân giữa ông

Nguyễn Chí T và bà La Thị N chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận ông Nguyễn Chí T, bà La Thị N không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà La Thị N được tiếp tục nuôi 01 con chung tên Nguyễn Thiện T1, sinh ngày 28/11/2019. Ông Nguyễn Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà La Thị N tự nguyện không yêu cầu.

Ông Nguyễn Chí T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên hoặc cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Chí T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0000718 ngày 16/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông Nguyễn Chí T đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- UBND phường An Lạc;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Hiền